

PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG Ở VIỆT NAM - THÀNH TỰU, KHÓ KHĂN VÀ TRIỂN VỌNG

• TS. NGUYỄN HUY VI
 Trường Đại học Phú Yên

I. Đặt vấn đề

Công cuộc đổi mới của Việt Nam kể từ khi Đại hội VI của Đảng CSVN (12/1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đến nay đã hơn 20 năm. Một trong những nội dung đổi mới then chốt là chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nhằm đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng, đi đôi với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với điều kiện của chế độ chính trị XHCN và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Điều quan trọng là trong tất cả các giải pháp cụ thể để có thể thực hiện thành công đường lối đổi mới về kinh tế, Việt Nam rất chú trọng và đề cao vai trò then chốt của việc đổi mới giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), nhất là phải đổi mới mạnh mẽ giáo dục đại học và chuyên nghiệp, mà ở đó phát triển đa dạng các loại hình trường đại học, cao đẳng là một giải pháp rất cơ bản cần được nghiên cứu.

Thật vậy, khi bước vào đổi mới, hệ thống GD&ĐT của Việt Nam đã trở nên bất cập so với yêu cầu. Năm 1992, với sự hợp tác của UNDP và UNESCO Chính phủ Việt Nam đã công bố một báo cáo tổng thể về chất lượng của nền GD&ĐT Việt Nam. Theo đó, nền GD&ĐT Việt Nam: (1) Giảm sút số lượng và chất lượng ở các bậc học; (2) Yếu kém trong sự liên kết giữa giáo dục kỹ thuật và dạy nghề với sản xuất và việc làm; (3) Yếu kém trong giáo dục đại học, liên kết không chặt chẽ với sản xuất, nghiên cứu và việc làm; (4) Đội ngũ giáo viên thiếu số lượng và yếu về chất lượng; (5) Hệ thống tổ chức và quản lý trong GD&ĐT không phù hợp; (6) Thiếu nghiêm trọng các nguồn lực cho GD&ĐT và tính hiệu quả thấp của nó; và (7) Sự không phù hợp của nền GD&ĐT của đất nước trong giai đoạn chuyển đổi.

Như vậy, hệ thống GD&ĐT của Việt Nam cũng chịu sự tác động của những thay đổi lớn của cơ chế kinh tế thị trường thời đổi mới. Một đòi hỏi bức xúc cần phải có sự đổi mới tương đối toàn diện nền giáo dục quốc gia; đặc biệt cần phải đổi mới mạnh mẽ giáo dục đại học và giáo dục chuyên nghiệp ngõ hầu đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực đa dạng, phù hợp với sự chuyển dịch và phát triển nhanh của nền kinh tế - xã hội được điều tiết bởi cơ chế thị trường.

Năm 1987 được ghi nhận là năm đánh dấu sự khởi đầu của cải cách giáo dục đại học và chuyên nghiệp của Việt Nam. Theo đó, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập đại học của thanh niên, nhu cầu học tập đại học thường xuyên của mọi thành viên trong xã hội, Chính phủ Việt Nam đã có chủ trương mở rộng quy mô đào tạo đại học, tạo cơ hội học đại học cho những ai có nhu cầu và khả năng, nhất là thanh niên nông thôn các địa phương ở xa các thành phố lớn. Với mục tiêu mở rộng quy mô phát triển giáo dục đại học như vậy, ngày 17/3/1992 Bộ GD&ĐT đã trình lên Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) xin ý kiến chỉ đạo về việc xây dựng mô hình trường đại học cộng đồng (ĐHCĐ) tại các tỉnh, thành phố. Bốn năm sau, một lần nữa, Bộ GD&ĐT đã có tờ trình số 8195/ĐH ngày 04/11/1996 lên Thủ tướng Chính phủ để xin chủ trương xây dựng hệ thống ĐHCĐ ở Việt Nam. Theo chủ trương này, các trường ĐHCĐ sẽ là loại hình trường địa phương (tỉnh hoặc liên tỉnh - vùng), nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực về đào tạo nhân lực (kể cả nghề dạy học) của cộng đồng tại địa phương. Đó là loại hình trường đa ngành, đào tạo theo nhiều chương trình khác nhau, từ dạy nghề với thời gian một tháng hoặc kéo dài tới 2 năm, đến đào

tao cấp cao đẳng 2-3 năm. Đặc biệt, theo thiết kế trường đại học/cao đẳng cộng đồng còn có thể đào tạo một số chương trình cơ bản giai đoạn I đại học để tạo cơ hội cho sinh viên ở các địa phương có thể chuyển tiếp về các đại học lớn. Một bộ phận sinh viên đạt chứng chỉ đại học đại cương được chuyển tiếp vào các trường hoặc viện đại học bảo trợ để đào tạo lấy bằng cử nhân đại học. Số còn lại sẽ tiếp tục được đào tạo thêm về kiến thức chuyên môn để lấy bằng cử nhân cao đẳng. Ngoài ra, trường còn có một số chương trình khác như đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo nghề, bổ túc văn hoá, tin học, ngoại ngữ, v.v...

Từ ý tưởng cập nhật của các nhà khoa học và quản lý giáo dục Việt Nam đến khi hiện thực hoá được ý tưởng đó là một khoảng thời gian gần 10 năm. Vào những năm 2000, 2001, 2002 lần lượt xuất hiện 9 trường cao đẳng cộng đồng (CĐCĐ) đầu tiên ở Việt Nam, phân bố khắp cả 3 miền Bắc, Trung, Nam; đó là các Trường CĐCĐ Hải Phòng; Hà Tây; Quảng Ngãi; Bà Rịa-Vũng Tàu; Tiền Giang; Đồng Tháp; Trà Vinh; Vĩnh Long và Kiên Giang. Gần đây, người ta thấy xuất hiện thêm 5 trường CĐCĐ: Hà Nội, Hậu Giang và Sóc Trăng vừa được thành lập vào năm 2006, CĐCĐ Bình Thuận (năm 2007) và CĐCĐ Lai Châu (2009). Đó là chưa kể loại hình trường cao đẳng địa phương đa ngành cũng mới thiết lập trong các năm 2005, 2006, tuy không có định ngữ cộng đồng trong danh xưng, nhưng nội hàm hoạt động của chúng mang thuộc tính cộng đồng đậm nét như các Trường Cao đẳng Cần Thơ, Cao đẳng Bến Tre. Ngoài ra, có một xu hướng mới đang xuất hiện đối với giáo dục cao đẳng, đại học ở các địa phương là hình như đang dần dần "cộng đồng hóa" các trường cao đẳng sư phạm (CĐSP) theo hướng vẫn giữ danh xưng sư phạm, nhưng chuyển đổi mục tiêu hoạt động đào tạo của trường như một trường CĐCĐ, hoặc nâng cấp trường CĐSP địa phương thành trường đại học địa phương đa ngành, đa cấp mà thực chất cũng là một kiểu trường cộng đồng.

Đến nay, Chính phủ vẫn khẳng định tính nhất quán trong chủ trương phát triển mô hình

CĐCĐ ở Việt Nam; điều này được thể hiện trong Nghị quyết số 14/2005/NG-CP về "Đổi mới căn bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020": "*hoàn thiện mô hình trường CĐCĐ và xây dựng quy chế chuyển tiếp đào tạo với các trường đại học, củng cố các đại học mở để có thể mở rộng quy mô của hai loại trường này*".

Qua 6 năm hoạt động của 9 trường CĐCĐ thí điểm đầu tiên trong những năm 2000-2002, Bộ GD&ĐT đã thận trọng theo dõi, nhưng đến nay vẫn chưa có một đánh giá đầy đủ về tính hiệu quả, ưu điểm cũng như nhược điểm của mô hình này từ phía Chính phủ. Tuy vậy, bản thân hệ thống các trường CĐCĐ qua thực tiễn hoạt động hơn một chu kì của mình, cũng đã rút ra được những nhận xét về những ưu điểm, thuận lợi, cũng như những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết để mô hình trường CĐCĐ ở Việt Nam được tiếp tục phát triển trên tinh thần phù hợp bản sắc văn hoá và định hướng chính trị của nước nhà, nhằm góp phần tích cực vào việc phát triển nguồn nhân lực trong điều kiện đất nước đang hội nhập vào nền kinh tế - xã hội của thế giới ngày nay.

II. Những ưu điểm, thuận lợi và khó khăn, tồn tại của mô hình trường CĐCĐ thí điểm ở Việt Nam

1. Ưu điểm

- Trường CĐCĐ là mô hình đào tạo đa hệ (từ dạy nghề đến cao đẳng), đa ngành; linh hoạt, mềm dẻo, phục vụ trực tiếp nhu cầu đào tạo địa phương và phục vụ thiết thực cho phát triển cộng đồng;

- Chương trình đào tạo mang tính ứng dụng và thực hành cao, gắn kết tốt với sản xuất và phát triển doanh nghiệp địa phương. Do tính mềm dẻo dễ liên thông giữa các hệ và các cấp đào tạo; do các chương trình đào tạo thiết kế phục vụ đa ngành, đa cấp nên hiệu quả sử dụng đội ngũ giáo viên và trang thiết bị rất cao;

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã có những mô hình tốt. Bước đầu cho thấy mô hình đào tạo hết sức linh hoạt và hiệu quả: tiết kiệm được nguồn lực về đội ngũ giảng dạy và trang

thiết bị; rất thích hợp cho Việt Nam, đặc biệt là vùng khó khăn. Mô hình đào tạo này cần được nhân rộng nhanh chóng ở Đồng bằng sông Cửu Long và những vùng khó khăn khác như Tây Bắc, Tây Nguyên... Với những ưu việt nói trên, mô hình trường CĐCD là một trong những giải pháp đột phá nhằm đào tạo nhanh, có chất lượng và tiết kiệm nhất nguồn nhân lực cho các địa phương còn khó khăn về kinh tế - xã hội nói chung trong cả nước.

2. Thuận lợi

- Cho đến nay, quan điểm về phát triển mô hình trường CĐCD vẫn được Chính phủ khẳng định trong phương hướng đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010; trường CĐCD được xem là một giải pháp căn bản trong việc tăng quy mô đào tạo đại học, nhưng đồng thời vẫn đảm bảo được chất lượng.

- Xuất phát từ bản chất là một tổ chức giáo dục đáp ứng cộng đồng, tức là một tổ chức/cơ sở giáo dục, trong phạm vi hoạt động của mình, thực hiện các chương trình đào tạo với mục tiêu duy nhất là hướng tới đáp ứng được nhu cầu của các nhà tuyển dụng nhằm phục vụ nhu cầu nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, nên trường CĐCD rất dễ có sức sống, nguồn tuyển sinh rất phong phú, đa dạng, không bao giờ "cạn". Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay đất nước đang đẩy mạnh việc xây dựng xã hội học tập và quá trình xã hội hoá giáo dục, nếu lấy trường CĐCD làm trung tâm gắn kết và hỗ trợ chuyên môn cho các trung tâm học tập cộng đồng ở tuyến xã, phường, thì chắc chắn rằng, thành công sẽ nhân gấp bội cho cả 2 mô hình giáo dục chính danh "cộng đồng" ở Việt Nam hiện nay.

- Trong mạng lưới các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp ở các địa phương, tính ưu thế nổi trội của các trường CĐCD khi so sánh tương quan với các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp khác là khá rõ ràng về cả 3 phương diện: mục tiêu đào tạo, môi trường hoạt động đào tạo và tính pháp nhân trong đào tạo. Sự nổi trội như vậy dễ dàng nhìn thấy ở các tỉnh vừa có trường CĐSP, vừa có trường CĐCD, khi so sánh hoạt động đào tạo

của 2 loại hình trường này trong cùng một điều kiện về không gian và thời gian. Việc thành lập trường CĐCD cho các tỉnh thật dễ dàng, bởi vì hiện nay ở bất kì địa phương nào cũng có trường CĐSP, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường dạy nghề thuộc sự quản lí của tỉnh. Một thực tế đang diễn ra ở các trường CĐSP địa phương là có cơ sở trường ốc, trang thiết bị, thư viện đáng hoàng, có đội ngũ giáo viên đảm bảo chất lượng, nhưng có rất ít sinh viên, học sinh sư phạm theo học do nhu cầu đào tạo giáo viên ở địa phương đã bão hoà. Đây là một sự lãng phí lớn! Bộ GD&ĐT có chủ trương như sau: "*Giao cho các địa phương, tùy theo yêu cầu đào tạo nhân lực và điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quyết định việc chuyển sang đào tạo đa ngành hay chuyên ngành sư phạm cho phù hợp*"; chủ trương này có thể xem là một lối mở, rất khả thi để giải quyết bế tắc hoạt động của các trường CĐSP địa phương hiện nay; và vì vậy, mặc nhiên tạo thuận lợi cho việc phát triển mô hình CĐCD bằng cách "cộng đồng hoá" các trường CĐSP địa phương.

- Sự giao lưu quốc tế trong lãnh vực giáo dục đại học đang được rộng mở cũng sẽ là một cơ hội tốt cho sự phát triển mô hình CĐCD ở Việt Nam.

3. Khó khăn

- Đến nay mô hình CĐCD vẫn còn là thí điểm, nên khung pháp lí quy định về cơ chế quản lí và phát triển của trường CĐCD, cũng như sự quảng bá thông tin đầy đủ về vị trí, vai trò, mục tiêu của mô hình CĐCD trong xã hội còn nhiều hạn chế. Sự hoạt động thuận lợi hay khó khăn của mỗi trường CĐCD tùy thuộc vào sự nhận thức của cấp lãnh đạo địa phương đối với mô hình CĐCD. Hơn nữa, nguồn lực hỗ trợ cho các trường CĐCD thí điểm từ phía trung ương còn quá khiêm tốn; mặt khác, khung pháp lí liên quan đến việc đào tạo nghề trong trường CĐCD còn nhiều vấn đề bỏ ngõ vì Bộ GD&ĐT không quản lí nhà nước về giáo dục đối với hệ dạy nghề. Đó là những khó khăn làm cho tốc độ phát triển của các trường CĐCD thí điểm có sự khác

nhau, do mức độ đầu tư của địa phương khác nhau và tổ chức sắp xếp các cơ sở đào tạo bên trong mỗi trường CĐCĐ khi thành lập có thuận lợi hay không cho sự phát triển của mỗi trường.

- Do đặc trưng linh hoạt, mềm dẻo và rất mở của trường CĐCĐ nên cũng dễ tìm thấy những đặc trưng này ở hầu khắp các trường cao đẳng khác (ngoại trừ một số trường đặc thù như y tế, văn hoá- nghệ thuật, thể dục - thể thao); và ngay cả ở một số trường đại học cũng dễ thấy được tinh chất "cộng đồng" đậm nét; trường nào cũng đào tạo đa lĩnh vực, đa ngành, đa cấp, đa hệ; do đó, khó phân biệt được rõ ràng sự khác nhau của trường cộng đồng và trường không phải cộng đồng, mặc dù có trường "không cộng đồng" là trường đơn ngành hay chuyên đào tạo một số ngành cụ thể nhưng vẫn đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Vấn đề này đã làm cho trường CĐCĐ đang ở trong tình trạng bị áp lực cạnh tranh gay gắt trong nguồn tuyển sinh hàng năm với các trường "không cộng đồng" để phát triển, nhất là đối với các trường của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, bởi lí do các trường trung ương có tiềm lực và được đầu tư nhiều hơn gấp nhiều lần so với các trường CĐCĐ.

- Cơ chế tổ chức đào tạo liên thông và chuyển tiếp sinh viên chỉ mới dừng ở chủ trương, các biện pháp cụ thể cũng chỉ là thí điểm mang tính cục bộ, còn xét trên phạm vi toàn hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp Việt Nam thì chưa được thiết lập. Hơn nữa, cơ chế giao chỉ tiêu rất cứng nhắc và tổ chức tuyển sinh thống nhất chung cho mọi trường cao đẳng, đại học như hiện nay là không phù hợp với mô hình CĐCĐ. Điều này đã hạn chế rất nhiều việc thực hiện những nhiệm vụ căn bản nói riêng và triết lí đại học đại chúng nói chung của mô hình CĐCĐ. Cần phải cho phép các trường CĐCĐ đào tạo liên thông và tạo cơ chế thiết lập mối quan hệ đào tạo chuyển tiếp giữa CĐCĐ với các đại học 4 năm, cũng như giao quyền tự chủ cho các trường CĐCĐ tự tuyển sinh theo cơ chế ghi danh, sát hạch để xếp lớp học, bậc học.

- Đội ngũ giáo viên, giảng viên cơ hữu của các trường CĐCĐ nói chung còn thiếu về số

lượng và thấp về trình độ; cơ sở vật chất kĩ thuật của các trường còn nhiều bất cập; có trường còn chậm về đổi mới các chương trình đào tạo. Hơn nữa, công tác quản lí một tổ chức GD&ĐT đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực hướng về cộng đồng còn mới mẻ đối với hầu hết cán bộ quản lí giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở Việt Nam, nên các trường có lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo. Chính những yếu tố này khiến cho chất lượng đào tạo của các trường CĐCĐ còn bất cập. Hạn chế này đã được Bộ GD&ĐT đánh giá trong Hội nghị lãnh đạo các trường cao đẳng, đại học vào tháng 8/2006.

III. Kết luận & Khuyến nghị

1. Kết luận

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu cơ bản và thực hiện thí điểm có kết quả khả quan ban đầu của 9 trường CĐCĐ đầu tiên sau thời kì đổi mới và phù hợp với những chủ trương đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020, theo phương hướng chỉ đạo về phát triển nguồn nhân lực của Đại hội X của Đảng CSVN, có thể kết luận rằng:

- Trường CĐCĐ là một mô hình đào tạo tốt nhất phục vụ cho nhu cầu học tập, nâng cao trình độ, chuyển đổi nghề nghiệp cho nhân dân và xây dựng cộng đồng vững mạnh; đồng thời, việc phát triển mô hình trường CĐCĐ là một phương án tốt nhất, hoàn toàn toàn khả thi và phù hợp với tình hình cụ thể của mỗi địa phương, để giáo dục đại học đạt mục tiêu phát triển quy mô số lượng đi đôi với việc đảm bảo chất lượng đào tạo đại học ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.

- Các trường CĐCĐ hiện hữu cần xác lập kế hoạch đào tạo theo sát và đúng với nhu cầu của cộng đồng bằng những chương trình đào tạo linh hoạt, đa dạng, phù hợp với các đối tượng nhằm giúp người học đạt kết quả trong học tập cũng như hiệu quả sử dụng lao động sau đào tạo cao nhất.

- Đặc biệt, các trường CĐCĐ phải thực hiện cho bằng được đặc điểm cơ bản vốn có của mình là đào tạo liên thông giữa các bậc đào tạo

tự thân bên trong trường và đào tạo chương trình chuyển tiếp sinh viên lên học ở các trường đại học 4 năm, thì mới hoàn thành sứ mệnh đại chúng hoá đại học theo triết lí giáo dục của trường CĐCĐ.

2. Khuyến nghị

Để các trường CĐCĐ hiện hữu nói riêng và mô hình trường CĐCĐ ở Việt Nam được tiếp tục phát triển, chúng tôi xin có mấy khuyến nghị sau đây:

- Các trường CĐCĐ phải nhanh chóng xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên có chất lượng ngang tầm với yêu cầu mới của giáo dục đại học Việt Nam.

- Bộ GD&ĐT sớm hoàn thiện khung pháp lí liên quan để tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế quản lí trong một cơ sở đào tạo đa cấp; cơ chế đào tạo liên thông và chuyển tiếp; tăng cường đầu tư cho các trường CĐCĐ từ các nguồn lực của trung ương; giao quyền tự chủ cho các trường CĐCĐ trong việc tuyển sinh theo cơ chế ghi danh, xét tuyển và phê duyệt chương trình đào tạo. Đặc biệt quan trọng là Bộ GD&ĐT nên trao lại Bằng giáo dục đại học đại cương 2 năm để làm cơ sở cho sự chuyển tiếp sinh viên học hết năm 2 năm giáo dục đại học đại cương ở trường CĐCĐ chuyển lên học tiếp năm thứ 3 ở các trường đại học 4 năm.

- Bộ LĐ-TB&XH - Bộ chủ quản về hệ dạy nghề của Việt Nam, cần sớm ban hành khung pháp lí liên quan để các cơ quan quản lí nhà nước các cấp ở trung ương cũng như ở địa phương có cơ sở để phối hợp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cũng như phát triển chương trình đào tạo nghề, nhằm tránh sự lãng phí do đầu tư riêng lẻ, cát cứ đối với hệ dạy nghề trong trường CĐCĐ và các cơ sở đào tạo nghề khác ở địa phương.

- Chính quyền địa phương các tỉnh, thành, nên nhanh chóng xây dựng ở tỉnh mình một trường CĐCĐ trên cơ sở hợp nhất các cơ sở đào tạo nói chung thường hiện diện trong mạng lưới giáo dục chuyên nghiệp ở địa phương hiện nay; Đó là trường cao đẳng sư phạm; trung tâm giáo dục thường xuyên; trường dạy nghề/trung tâm

dạy nghề. Sự hợp nhất như vậy có 3 điểm lợi sau: một là, hợp quần tạo nên một cơ sở đào tạo đại học của địa phương có sức mạnh, về đội ngũ giảng viên, về cơ sở vật chất, về tinh pháp nhân trong đào tạo, làm tiền đề cho sự phát triển tất yếu thành trường đại học trong tương lai của địa phương; hai là, thuận lợi cho việc thực hiện quản lí chất lượng các loại hình đào tạo không chính quy, xây dựng xã hội học tập và xã hội hoá giáo dục ở địa phương có hiệu quả cao; ba là, vừa tiết kiệm vừa bảo đảm hiệu quả cao trong đầu tư kinh phí xây dựng và phát triển giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở địa phương.

- Chính phủ nên mạnh dạn cho phép các trường CĐCĐ mở rộng giao lưu, học hỏi kinh nghiệm xây dựng và phát triển mô hình cao đẳng / đại học cộng đồng của các quốc gia trong khu vực cũng như trên toàn thế giới, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển tiếp theo trong tương lai của hệ thống CĐCĐ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Bá Lâm, *Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỉ XXI - Chiến lược phát triển*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.
2. Bộ GD&ĐT, *Đề án Phát triển hệ thống trường ĐHCĐ ở Việt Nam* (Do Hiệp hội các đại học cộng đồng Canada thực hiện với sự tài trợ của CIDA Canada), Hà Nội, 1995.
3. Trường CĐCĐ Kiên Giang, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt - Mỹ về mô hình CĐCĐ*, 11/2005.
4. Nguyễn Văn Bảo, *"Trường đại học trực thuộc địa phương, trường CĐCĐ- Mô hình mới đào tạo nguồn nhân lực có kĩ thuật phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước"*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Tâm lí học, Giáo dục học trong thời kì đổi mới: thành tựu và triển vọng" - Hội Khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 12/2006.

SUMMARY

The community college model has been in Vietnam for 6 years but there has not been a comprehensive review on effectiveness, the pros and cons of this from the government. From the personal view the author presents the advantages and disadvantages of the community colleges in Vietnam, from which to draw conclusion and proposes some measures for implementing of this training model in Vietnam.